

Số: 26 /2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy In tiền Quốc gia

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2012/NĐ-CP ngày 02/5/2012 của Chính phủ quy định về nghiệp vụ phát hành tiền; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 49/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp Nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy In tiền Quốc gia.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) đối với Nhà máy In tiền Quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được giao nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy In tiền Quốc gia.

2. Nhà máy In tiền Quốc gia (gọi tắt là Nhà máy).
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc giám sát, kiểm tra, thanh tra Nhà máy.

Điều 3. Mục đích giám sát, kiểm tra, thanh tra

1. Nhằm bắt, phản ánh, đánh giá tình hình chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Ngân hàng Nhà nước đối với Nhà máy, qua đó kịp thời chấn chỉnh hoặc áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế để nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà máy.
2. Phát hiện những tồn tại, yếu kém trong hoạt động của Nhà máy; xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, xử lý.
3. Kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong chính sách, pháp luật và cơ chế quản lý đối với Nhà máy để đề xuất, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
4. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Nhà máy bảo đảm an toàn tiền và tài sản của Nhà nước tại Nhà máy.

Điều 4. Nguyên tắc giám sát, kiểm tra, thanh tra

1. Tuân theo các quy định của pháp luật và bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch.
2. Phối hợp có hiệu quả giữa các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được giao nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra.
3. Không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà máy.
4. Không trùng lặp về phạm vi, nội dung, thời gian kiểm tra, thanh tra giữa các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Giám sát

1. Nội dung giám sát
 - a) Giám sát tài chính bao gồm: giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước tại Nhà máy, giám sát bảo toàn và phát triển vốn của Nhà máy, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Nhà máy theo quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Nhà máy;
 - b) Giám sát hoạt động in, đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng tại Nhà máy theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Giám sát công tác tổ chức, chính sách quản lý người lao động, viên chức quản lý, tiền lương, thu nhập của Nhà máy theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc giám sát của Ngân hàng Nhà nước được thực hiện thông qua tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu, báo cáo của Nhà máy, bao gồm:

a) Báo cáo tự kiểm tra, giám sát của Nhà máy;

b) Báo cáo kiểm tra, giám sát của Kiểm soát viên Nhà máy do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (gọi tắt là Thống đốc) bổ nhiệm;

c) Các báo cáo kết quả kiểm tra của các Đoàn kiểm tra, kiểm toán, thanh tra đối với Nhà máy;

d) Các đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Nhà máy theo thẩm quyền.

3. Báo cáo kết quả giám sát

a) Đơn vị báo cáo:

(i) Cục Phát hành và Kho quỹ thực hiện báo cáo kết quả giám sát theo nội dung giám sát quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này gửi Vụ Tài chính - Kế toán;

(ii) Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện báo cáo kết quả giám sát theo nội dung giám sát quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này gửi Vụ Tài chính - Kế toán;

(iii) Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện báo cáo kết quả giám sát theo nội dung giám sát quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này và tổng hợp báo cáo của các đơn vị, xây dựng báo cáo kết quả giám sát của Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc;

b) Nội dung báo cáo kết quả giám sát:

(i) Đặc điểm, tình hình và thực trạng của Nhà máy trong kỳ báo cáo;

(ii) Kết quả tự giám sát của Nhà máy và Báo cáo của Kiểm soát viên Nhà máy;

(iii) Các tồn tại, kiến nghị của các Đoàn kiểm tra, kiểm toán, thanh tra đối với Nhà máy;

(iv) Kết quả giám sát Nhà máy của các đơn vị báo cáo quy định tại điểm a Khoản này;

(v) Các kiến nghị, giải pháp nhằm khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại (nếu có);

c) Thời hạn báo cáo:

(i) Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Cục Phát hành và Kho quỹ, Vụ Tổ chức cán bộ gửi Vụ Tài chính - Kế toán báo cáo kết quả giám sát trước ngày 31 tháng

7 của năm báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng), trước ngày 30 tháng 4 năm kế tiếp (đối với báo cáo năm);

(ii) Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Vụ Tài chính - Kế toán trình Thống đốc gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra Chính phủ và các cơ quan có liên quan báo cáo giám sát của Ngân hàng Nhà nước kèm Báo cáo tự giám sát của Nhà máy và Báo cáo giám sát của Kiểm soát viên Nhà máy trước ngày 31 tháng 8 của năm báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng), trước ngày 31 tháng 5 năm kế tiếp (đối với báo cáo năm).

4. Xử lý kết quả giám sát

Căn cứ kết quả giám sát, Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Tổ chức cán bộ, Cục phát hành và Kho quỹ có trách nhiệm:

a) Xem xét, giải quyết kịp thời theo thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc có liên quan đến hoạt động của Nhà máy; tạo điều kiện để Nhà máy hoàn thành mục tiêu, kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt;

b) Kịp thời áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền nhằm chấn chỉnh hoạt động, theo dõi, đôn đốc kết quả thực hiện của Nhà máy;

c) Kiến nghị với Thống đốc xử lý đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo, không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước và các vi phạm pháp luật khác;

d) Thực hiện quyết định kiểm tra đối với Nhà máy theo thẩm quyền quy định tại Thông tư này;

đ) Báo cáo Thống đốc để thanh tra khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc chuyển hồ sơ vụ việc sang cơ quan điều tra có thẩm quyền để truy cứu trách nhiệm hình sự khi có dấu hiệu tội phạm.

Điều 6. Kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra đối với công tác quản lý tài chính kế toán của Nhà máy:

(i) Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính;

(ii) Kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản; tình hình bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích;

(iii) Kiểm tra báo cáo tài chính và việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật;

b) Kiểm tra đối với hoạt động in, đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng của Nhà máy:

(i) Kiểm tra tình hình thực hiện Hợp đồng và thanh lý Hợp đồng in, đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng đã ký với Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Kiểm tra việc đấu thầu, mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ cho việc in, đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng;

c) Kiểm tra công tác tiêu hủy tiền in hỏng, đúc hỏng, giấy in tiền hỏng, kim loại đúc tiền hỏng;

d) Kiểm tra đối với công tác tổ chức, quản lý, điều hành, tiền lương và thu nhập của Nhà máy:

(i) Kiểm tra công tác tổ chức, tiền lương, thu nhập và việc bố trí sử dụng các nguồn lực (con người, tài sản...);

(ii) Kiểm tra công tác quản lý, điều hành của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Nhà máy;

(iii) Kiểm tra công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các phòng và xưởng sản xuất;

đ) Kiểm tra công tác kiểm soát nội bộ của Nhà máy;

e) Kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên Nhà máy do Thống đốc bổ nhiệm.

2. Cách thức tiến hành kiểm tra

a) Kiểm tra thường xuyên: Việc kiểm tra thường xuyên đối với Nhà máy thực hiện theo kế hoạch kiểm tra, thanh tra hàng năm;

b) Kiểm tra đột xuất: Việc kiểm tra đột xuất đối với Nhà máy được thực hiện khi phát hiện Nhà máy có dấu hiệu vi phạm pháp luật, không chấp hành các quyết định của Ngân hàng Nhà nước hoặc theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

3. Thẩm quyền ra quyết định kiểm tra

a) Đối với kiểm tra thường xuyên: Căn cứ kế hoạch kiểm tra, thanh tra hàng năm, thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được giao chủ trì cuộc kiểm tra ký quyết định kiểm tra đối với Nhà máy;

b) Đối với kiểm tra đột xuất: Căn cứ nội dung kiểm tra, Thống đốc ký quyết định kiểm tra hoặc ủy quyền cho thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước ký quyết định kiểm tra đột xuất đối với Nhà máy, cụ thể:

(i) Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ quyết định kiểm tra đối với Nhà máy các nội dung quy định tại Điểm c, đ Khoản 1 Điều này;

(ii) Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán quyết định kiểm tra đối với Nhà máy các nội dung quy định tại Điểm a, e Khoản 1 Điều này;

(iii) Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ quyết định kiểm tra đối với Nhà máy các nội dung quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

(iv) Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ quyết định kiểm tra đối với Nhà máy các nội dung quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức đoàn kiểm tra

a) Ra quyết định kiểm tra

(i) Đối với kiểm tra thường xuyên: Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra, thanh tra hàng năm, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước ký quyết định kiểm tra và gửi cho Nhà máy chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày kiểm tra;

(ii) Đối với kiểm tra đột xuất: Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo thời gian, nội dung kiểm tra cho Nhà máy chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày kiểm tra;

b) Quyết định kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau:

(i) Căn cứ kiểm tra;

(ii) Nội dung, phạm vi kiểm tra;

(iii) Thời hạn tiến hành kiểm tra;

(iv) Họ tên, chức vụ, nơi công tác của trưởng đoàn và thành viên đoàn kiểm tra;

c) Thời hạn tiến hành một cuộc kiểm tra tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp cuộc kiểm tra liên quan đến nhiều nội dung, tính chất phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra;

d) Trong quá trình kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản đối với hành vi vi phạm pháp luật của Nhà máy hoặc để xác nhận việc thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra. Biên bản phải có các nội dung sau:

(i) Ngày, tháng, năm lập biên bản;

(ii) Họ, tên, chức vụ của trưởng đoàn kiểm tra;

(iii) Họ, tên, chức vụ của người đại diện Nhà máy;

(iv) Hành vi vi phạm pháp luật của Nhà máy hoặc thông tin, tài liệu được thu thập, cung cấp;

(v) Xác nhận của trưởng đoàn kiểm tra và người đại diện Nhà máy. Trường hợp người đại diện Nhà máy không ký xác nhận vào biên bản, trưởng đoàn kiểm tra ghi rõ lý do vào biên bản và báo cáo người ra quyết định kiểm tra xử lý.

5. Báo cáo kết quả kiểm tra, kết luận kiểm tra

a) Trước khi kết thúc kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm lập dự thảo báo cáo kiểm tra gửi Nhà máy và tổ chức cuộc họp thông qua dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra với Nhà máy. Nội dung cuộc họp được lập thành biên bản, trong đó nêu rõ những vấn đề chưa nhất trí và giải trình của Nhà máy (nếu có) đối với nội dung của dự thảo báo cáo kiểm tra;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, căn cứ biên bản họp thông qua dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra hoàn chỉnh báo cáo kiểm tra và gửi cho người ra quyết định kiểm tra kèm biên bản họp thông qua dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra. Báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Đánh giá tình hình tổ chức hoạt động của Nhà máy có liên quan đến nội dung kiểm tra;

(ii) Kết quả kiểm tra theo từng nội dung kiểm tra (mặt được, tồn tại, hạn chế, thiếu sót, vi phạm, nguyên nhân...);

(iii) Phân tích trách nhiệm tập thể, cá nhân và đề xuất giải pháp khắc phục hoặc kiến nghị xử lý hành vi vi phạm pháp luật và các nội dung khác (nếu có);

(iv) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra (nếu có);

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra phải ban hành kết luận kiểm tra;

d) Kết luận kiểm tra được gửi cho Nhà máy, Vụ Kiểm toán nội bộ và các đơn vị có liên quan. Trường hợp có ý kiến bảo lưu của Nhà máy, người ra quyết định kiểm tra báo cáo Thống đốc xem xét, xử lý. Kết luận kiểm tra được lưu trong hồ sơ quản lý Nhà máy.

6. Xử lý kết quả kiểm tra

a) Căn cứ kết quả kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra có trách nhiệm áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để chấn chỉnh và khắc phục những khó khăn vướng mắc của Nhà máy hoặc kiến nghị Thống đốc xử lý theo quy định;

b) Trường hợp kết quả kiểm tra chưa đủ để đánh giá thực trạng của Nhà máy thì người ra quyết định kiểm tra kiến nghị Thống đốc quyết định thanh tra theo thẩm quyền;

c) Trong quá trình xem xét, xử lý kết quả kiểm tra, nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì người ra quyết định kiểm tra báo cáo Thống đốc chuyển hồ sơ vụ việc sang cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thanh tra

1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện thanh tra toàn diện hoặc theo vụ việc cụ thể phát sinh đối với Nhà máy trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quy định của của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra; kết luận và xử lý kết luận thanh tra đối với Nhà máy được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ**

Điều 8. Trách nhiệm của Nhà máy

1. Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên

a) Chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác tự giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ toàn diện các mặt hoạt động của Nhà máy nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất in, đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên việc đầu tư, mua sắm, nhập, xuất kho, thanh quyết toán và kiểm kê định kỳ vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ in, đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng của Nhà máy theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Chủ động xem xét, rà soát hoạt động của Nhà máy khi có các dấu hiệu bất thường xảy ra trong quá trình sản xuất, sử dụng và mua sắm vật tư, hàng hóa thực hiện in, đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng để xử lý kịp thời, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo Thống đốc;

d) Cung cấp tài liệu cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của Nhà máy;

đ) Việc gửi, lưu giữ và sử dụng các báo cáo, tài liệu có liên quan đến Nhà máy phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước;

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Kiểm soát viên Nhà máy

a) Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Nhà máy theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra Nhà máy

1. Xây dựng kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra

a) Hàng năm, căn cứ vào tình hình hoạt động của Nhà máy, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước xây dựng kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy gửi Vụ Kiểm toán nội bộ tổng hợp trình Thống đốc;

b) Kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, phạm vi giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy;

c) Trường hợp không có yêu cầu phải kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy, các đơn vị gửi văn bản cho Vụ Kiểm toán nội bộ về việc không thực hiện kiểm tra, thanh tra trong năm lập kế hoạch.

2. Thời hạn gửi kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra

Trước ngày 05/11 của năm báo cáo, các đơn vị gửi kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra của năm kế hoạch đối với Nhà máy về Vụ Kiểm toán nội bộ.

3. Phê duyệt kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra

Vụ Kiểm toán nội bộ tổng hợp, xem xét trình Thống đốc phê duyệt kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra Nhà máy hàng năm và gửi các cơ quan nhà nước có liên quan để phối hợp thực hiện.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Kiểm toán nội bộ

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy theo quy định tại Điều 9 Thông tư này và thực hiện kiểm tra đối với Nhà máy theo kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Phối hợp với các đơn vị Ngân hàng Nhà nước có liên quan thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện kiểm tra đột xuất đối với Nhà máy theo quy định tại Điểm c, đ Khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

d) Thực hiện đánh giá kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra của các đơn vị Ngân hàng Nhà nước có liên quan đối với Nhà máy theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

đ) Cung cấp thông tin, tài liệu, kết quả kiểm tra cho các đơn vị có liên quan khi được yêu cầu;

e) Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra hàng năm đối với Nhà máy của các đơn vị trình Thống đốc.

2. Vụ Tài chính - Kế toán

a) Thực hiện việc giám sát đối với Nhà máy theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

b) Thực hiện kiểm tra đối với Nhà máy theo kế hoạch kiểm tra đã được Thống đốc phê duyệt;

c) Thực hiện kiểm tra đột xuất đối với Nhà máy theo quy định tại Điểm a, e Khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

d) Cung cấp thông tin, tài liệu, kết quả giám sát, kiểm tra cho các đơn vị có liên quan khi được yêu cầu;

đ) Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra hàng năm đối với Nhà máy gửi Vụ Kiểm toán nội bộ;

e) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan định kỳ 06 tháng và hàng năm lập báo cáo kết quả giám sát Nhà máy theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

3. Cục Phát hành và Kho quỹ

a) Thực hiện việc giám sát đối với Nhà máy theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

b) Thực hiện kiểm tra đối với Nhà máy theo kế hoạch kiểm tra đã được Thống đốc phê duyệt;

c) Thực hiện kiểm tra đột xuất đối với Nhà máy theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

d) Gửi Vụ Kiểm toán nội bộ các văn bản của Ngân hàng Nhà nước về nhiệm vụ in, đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng như quyết định in, đúc tiền, hợp đồng in, đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng và các văn bản liên quan khác khi được yêu cầu;

đ) Cung cấp thông tin, tài liệu, kết quả giám sát, kiểm tra cho các đơn vị liên quan khi được yêu cầu;

e) Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra hàng năm đối với Nhà máy gửi Vụ Kiểm toán nội bộ;

g) Gửi Vụ Tài chính - Kế toán báo cáo kết quả giám sát Nhà máy theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

4. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Thực hiện việc giám sát đối với Nhà máy theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

b) Thực hiện kiểm tra đối với Nhà máy theo kế hoạch kiểm tra đã được Thống đốc phê duyệt;

c) Thực hiện kiểm tra đột xuất đối với Nhà máy theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

d) Cung cấp thông tin, tài liệu, kết quả giám sát, kiểm tra cho các đơn vị có liên quan khi được yêu cầu;

đ) Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra hàng năm đối với Nhà máy gửi Vụ Kiểm toán nội bộ;

e) Gửi Vụ Tài chính - Kế toán báo cáo kết quả giám sát Nhà máy theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng

a) Xây dựng kế hoạch thanh tra Nhà máy gửi Vụ Kiểm toán nội bộ trình Thống đốc phê duyệt và tổ chức thực hiện thanh tra đối với Nhà máy theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Cung cấp thông tin, tài liệu, kết luận thanh tra cho các đơn vị có liên quan khi được yêu cầu.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/10/2016.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư liên tịch số 51/1999/TTLT/BTC-BCA-NHNN ngày 07/5/1999 của Bộ Tài chính, Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn nội dung, quy trình về giám sát in, đúc tiền tại các nhà máy;

b) Quyết định số 21/2006/QĐ-NHNN ngày 16/5/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động in, đúc tiền Việt Nam tại Nhà máy In tiền Quốc gia;

c) Quyết định số 36/2007/QĐ-NHNN ngày 10/8/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi Quy chế kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động in, đúc tiền Việt Nam tại Nhà máy ban hành theo Quyết định số 21/2006/QĐ-NHNN ngày 16/5/2006.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Chánh thanh tra Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước; Nhà máy In tiền Quốc gia chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. le

Nơi nhận:

- Như điều 12;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, KTNB. m

le **THỐNG ĐỐC**
PHÓ THỐNG ĐỐC



Đào Minh Tú